UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 88 /QĐ-SGDĐT	*Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thi chính thức các môn nghiệp vụ chuyên ngành, kỳ tuyển dụng giáo viên cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 01/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người quản lý doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 4770/UBND-NC ngày 06/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành kế hoạch tuyển dụng giáo viên năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-SGDĐT ngày 11/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng giáo viên cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2024;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng giáo viên năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tại các Thông báo số 1340/TB-HĐTD ngày 30/12/2024, số 132/TB-HĐTD ngày 17/01/2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi chính thức các môn nghiệp vụ chuyên ngành, kỳ tuyển dụng giáo viên cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2024 *(có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh *(báo cáo)*;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở GDĐT;
- Lưu: VT, VP, TCCB.

GIÁM ĐỐC

KT.GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Ngọc Thái

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CHÍNH THỨC MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH, KỲ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày /01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí	sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm tuyển dụng
1	SGD020	01	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Vắng		Vắng
2	SGD066	03	Phạm Thị Bích	Tuyền	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	Trường THPT Phạm Văn Đồng	Vắng		Vắng
3	SGD067	03	Nguyễn Tấn	Tường	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Phạm Kiệt	Vắng		Vắng
4	SGD060	03	Ngô Thanh	Tân	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Tây Trà	Trường THCS và THPT Vạn Tường	85,5		85,5
5	SGD022	01	Kiều Thị	Hảo	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	85,3		85,3
6	SGD055	02	Nguyễn Thị Ánh	Sen	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	83,5		83,5
7	SGD015	01	Phạm Thị Mỹ	Duyên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	76,0	5,0	81,0
8	SGD027	01	Phan Thị Dạ	Hiếu	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Ba Gia	Trường THPT Ba Tơ	81,0		81,0
9	SGD045	02	Lê Thị	Nhạn	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Phạm Kiệt	80,3		80,3
10	SGD078	03	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT chuyên Lê Khiết	Trường THPT Phạm Kiệt	80,0		80,0
11	SGD023	01	Lê Thị Mỹ	Hằng	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Lý Sơn	Trường THPT Quang Trung	79,8		79,8
12	SGD069	03	Phạm Thị	Thảo	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	79,5		79,5
13	SGD006	01	Trần Hà Minh	Châu	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	Trường THPT Quang Trung	78,5		78,5
14	SGD044	02	Nguyễn Thị Bích	Nguyện	Cử nhân	Văn học		Trường THPT số 1 Đức Phổ	Trường THPT Phạm Văn Đồng	78,3		78,3
15	SGD012	01	Đinh Văn	Danh	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	73,0	5,0	78,0
16	SGD026	01	Lâm Thị Thu	Hiếu	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	76,3		76,3
17	SGD017	01	Trần Thị Trà	Giang	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT chuyên Lê Khiết	Trường THPT Ba Gia	76,0		76,0
18	SGD004	01	Mai Thị Ngọc	Bích	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THPT chuyên Lê khiết	75,3		75,3
19	SGD013	01	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THPT Quang Trung	74,8		74,8
20	SGD019	01	Lê Thị Như	Hạnh	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Văn Đồng	Trường THPT Minh Long	74,8		74,8
21	SGD043	02	Đoàn Thị Như	Ngọc	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	74,0		74,0
22	SGD083	03	Phan Băng Tuyết	Trâm	Cử nhân,	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT số 1 Đức Phổ	Trường THPT chuyên Lê khiết	74,0		74,0
23	SGD056	02	Trương Ngọc	Sương	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Văn Đồng	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	73,8		73,8
24	SGD001	01	Diệp Thị Thúy	Anh	Cử nhân	Văn học		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THPT Quang Trung	73,5		73,5
25	SGD082	03	Trương Thị Thùy	Trang	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	73,5		73,5
26	SGD018	01	Võ Thị Ngọc	Giàu	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Lý Sơn	Trường THCS và THPT Vạn Tường	73,0		73,0
27	SGD024	01	Nguyễn Thị Phi	Hằng	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	71,8		71,8

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí	sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm tuyển dụng
28	SGD040	02	Nguyễn Thị Trà	Mi	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	Trường THCS và THPT Vạn Tường	71,8		71,8
29	SGD042	02	Trần Thị Trà	My	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	71,5		71,5
30	SGD059	03	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	Trường THPT Phạm Văn Đồng	71,3		71,3
31	SGD050	02	Tạ Thị Thu	Phường	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	70,8		70,8
32	SGD077	03	Lê Thị Thu	Thủy	Cử nhân	Văn học		Trường THPT Minh Long	Trường THPT Quang Trung	70,8		70,8
33	SGD039	02	Phạm Thị Phương	May	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	65,5	5,0	70,5
34	SGD070	03	Bùi Thị Bé	Thi	Cử nhân	Văn học		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	70,0		70,0
35	SGD071	03	Liên Quốc	Thịnh	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Quang Trung	70,0		70,0
36	SGD008	01	Phạm Thị Ngọc	Chi	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	69,8		69,8
37	SGD029	01	Nguyễn Thị Hồng	Huyên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Văn Đồng	Trường THPT số 1 Đức Phổ	69,5		69,5
38	SGD005	01	Nguyễn Quốc	Cường	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	Trường THPT Quang Trung	68,3		68,3
39	SGD010	01	Cao Thị Mỹ	Chung	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Ba Gia	68,3		68,3
40	SGD084	03	Phạm	Văn	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THPT số 1 Đức Phổ	Trường THPT Ba Tơ	63,3	5,0	68,3
41	SGD035	02	Hồ Thị A	Ly	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Tây Trà	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	62,5	5,0	67,5
42	SGD062	03	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT số 1 Đức Phổ	Trường THPT Phạm Văn Đồng	67,5		67,5
43	SGD030	02	Nguyễn Thị	Hương	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Phạm Kiệt	67,0		67,0
44	SGD085	03	Lê Thị Bé	Vi	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	67,0		67,0
45	SGD057	02	Nguyễn Thị	Tâm	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	66,8		66,8
46	SGD028	01	Dương Thị	Hoa	Cử nhân	Ngữ văn	CTB 3/4	Trường THPT Lý Sơn	Trường THPT Quang Trung	60,5	5,0	65,5
47	SGD072	03	Nguyễn Thị Kim	Thỏa	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Phạm Kiệt	65,3		65,3
48	SGD081	03	Bùi Đình	Thư	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Minh Long	Trường THPT Ba Tơ	65,3		65,3
49	SGD065	03	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Cử nhân	Văn học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Tây Trà	65,0		65,0
50	SGD053	02	Ngô Thị Ý	Quỳnh	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Minh Long	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	63,5		63,5
51	SGD074	03	Bùi Thị Thanh	Thủy	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Ba Gia	Trường THPT Quang Trung	63,3		63,3
52	SGD047	02	Đinh Trần	Phú	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Tây Trà	X	57,5	5,0	62,5
53	SGD063	03	Nguyễn Thị	Tình	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	62,5		62,5
54	SGD034	02	Trần Thị Kim	Liên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT chuyên Lê Khiết	Trường THPT Quang Trung	61,5		61,5
55	SGD031	02	Đặng Trí Thành	Khuê	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Văn Đồng	Trường THPT Minh Long	61,3		61,3
56	SGD032	02	Đinh Thị Y	Khuy	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	56,0	5,0	61,0
57	SGD086	03	Đinh Thị Hồng	Viên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	56,0	5,0	61,0
58	SGD037	02	Hồ Thị	Lý	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Tây Trà	X	55,8	5,0	60,8
59	SGD068	03	Đặng Trần Công	Thành	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Tây Trà	60,5		60,5

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí	sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm tuyển dụng
60	SGD009	01	Võ Lê Kiều	Chinh	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	60,3		60,3
61	SGD033	02	Đinh Thị	Lệ	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	CTB	Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Tây Trà	54,5	5,0	59,5
62	SGD052	02	Ngô Thị Hồng	Quyên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Minh Long	Trường THPT Phạm Kiệt	58,5		58,5
63	SGD064	03	Đinh Thị	Tốt	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Lý Sơn	X	58,5		58,5
64	SGD007	01	Nguyễn Thị Bé Minh	Chi	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Quang Trung	58,0		58,0
65	SGD051	02	Huỳnh Nguyễn Bích	Phượng	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Lý Sơn	X	58,0		58,0
66	SGD061	03	Nguyễn Trần Thủy	Tiên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	Trường THPT Quang Trung	57,3		57,3
67	SGD002	01	Dương Thị Ngọc	Ánh	Cử nhân	Văn học		Trường THPT Phạm Văn Đồng	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	57,0		57,0
68	SGD025	01	Huỳnh Thị Ánh	Hậu	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	56,5		56,5
69	SGD049	02	Bùi Thị Bích	Phương	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Văn Đồng	Trường THPT Minh Long	56,5		56,5
70	SGD014	01	Hồ Thị	Duyên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Tây Trà	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	50,0	5,0	55,0
71	SGD073	03	Đặng Thị Mỹ	Thuận	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT số 1 Đức Phổ	Trường THPT Minh Long	54,8		54,8
72	SGD075	03	Trần Thị Minh	Thùy	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Văn Đồng	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	53,8		53,8
73	SGD021	01	Trần Thị Mỹ	Hạnh	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Minh Long	53,5		53,5
74	SGD041	02	Bùi Thị Hà	My	Cử nhân	Văn học		Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	Trường THPT Phạm Văn Đồng	53,0		53,0
75	SGD003	01	Đinh Thị	Bay	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	DTTS	Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	47,3	5,0	52,3
76	SGD038	02	Phạm Thị Mỹ	Màu	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	51,8		51,8
77	SGD058	02	Nguyễn Thị	Tâm	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THPT Ba Gia	51,3		51,3
78	SGD016	01	Trịnh Ngọc Kiều	Duyên	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Minh Long	X	50,8		50,8
79	SGD036	02	Võ Thị Cẩm	Ly	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	50,8		50,8
80	SGD076	03	Bùi Thị Kim	Thủy	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	48,5		48,5
81	SGD048	02	Nguyễn Tấn	Phùng	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Văn Đồng	Trường THPT Phạm Kiệt	48,0		48,0
82	SGD080	03	Võ Thị Thanh	Thúy	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Phạm Văn Đồng	Trường THCS và THPT Vạn Tường	45,3		45,3
83	SGD079	03	Trần Thị Bích	Thủy	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THPT Quang Trung	45,0		45,0
84	SGD054	02	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	44,8		44,8
85	SGD046	02	Phạm Thị Yến	Nhi	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn	CTB	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Ba Gia	38,5	5,0	43,5
86	SGD087	03	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THPT Ba Tơ	42,0		42,0
87	SGD011	01	Nguyễn Đoàn Nguyên	Chương	Cử nhân	Sư phạm Ngữ văn		Trường THPT Ba Gia	Trường THPT Tây Trà	26,5		26,5
88	SGD088	04	Ngô Xuân	Anh	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Phạm Kiệt	86,0		86,0
89	SGD089	04	Lê Văn	Có	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Trà Bồng	54,5		54,5
90	SGD090	04	Nguyễn Thành	Công	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Trà Bồng	60,0		60,0
91	SGD091	04	Hồ Anh	Điền	Cử nhân;	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	87,5		87,5

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí	sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm tuyển dụng
92	SGD092	04	Dương Công	Đức	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Trà Bồng	Trường THPT Phạm Kiệt	81,5		81,5
93	SGD093	04	Châu Thị Nhật	Hà	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Trà Bồng	82,5		82,5
94	SGD094	04	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Sơn Hà	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	79,5		79,5
95	SGD095	04	Võ Thị Thanh	Hằng	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	X	56,0		56,0
96	SGD096	04	Huỳnh Công	Hân	Cử nhân	Toán-Tin		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	54,0		54,0
97	SGD097	04	Ao Công	Hậu	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Phạm Kiệt	71,5		71,5
98	SGD098	04	Bùi Thị Thanh	Hiền	Cử nhân,	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Trà Bồng	60,0		60,0
99	SGD099	04	Trương Thị Ánh	Hiền	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Sơn Hà	70,0		70,0
100	SGD100	04	Nguyễn Thị Kim	Hoa	Cử nhân	Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	X	62,0		62,0
101	SGD101	04	Trần Phương	Huy	Cử nhân	Sư phạm Toán học	CTB	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	74,5	5,0	79,5
102	SGD102	04	Nguyễn Thị Ánh	Huyền	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	34,0		34,0
103	SGD103	04	Trịnh Thị Ngọc	Hương	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	65,0		65,0
104	SGD104	04	Tạ Ngọc Duy	Khương	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	84,0		84,0
105	SGD105	04	Nguyễn Thị Phương	Lan	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	77,0		77,0
106	SGD106	04	Vũ Thị Hồng	Lan	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Sơn Hà	81,0		81,0
107	SGD107	04	Phan Thị	Linh	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	71,5		71,5
108	SGD108	04	Phạm Bảo	Long	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Sơn Hà	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	56,5		56,5
109	SGD109	04	Đặng Thị Trúc	Ly	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Trà Bồng	79,0		79,0
110	SGD110	05	Nguyễn Hồng	Minh	Cử nhân,	Sư phạm Toán học		Trường THPT Trà Bồng	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	76,0		76,0
111	SGD111	05	Bùi Thị Thanh	Nga	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	63,5		63,5
112	SGD112	05	Nguyễn Tấn	Nguyện	Cử nhân,	Toán-Tin		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	87,0		87,0
113	SGD113	05	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	59,5		59,5
114	SGD114	05	Đào Thị Kim	Quyên	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Sơn Hà	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	64,5		64,5
115	SGD115	05	Lê Minh	Tâm	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Phạm Kiệt	89,5		89,5
116	SGD116	05	Nguyễn Tài	Tấn	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	50,0		50,0
117	SGD117	05	Huỳnh Văn	Tiên	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	76,0		76,0
118	SGD118	05	Nguyễn Hữu	Tiến	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Sơn Hà	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	91,5		91,5
119	SGD119	05	Lê Thị Hương	Tín	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	82,0		82,0
120	SGD120	05	Đỗ Quang	Toan	Cử nhân,	Toán-Tin		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Phạm Kiệt	85,0		85,0
121	SGD121	05	Phạm Anh	Tuấn	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	82,0		82,0
122	SGD122	05	Lê Ngọc	Thảo	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Sơn Hà	86,0		86,0
123	SGD123	05	Bạch Thị Thông	Thạo	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	80,5		80,5

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí	sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm tuyển dụng
124	SGD124	05	Nguyễn Thị	Thịnh	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Sơn Hà	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	71,0		71,0
125	SGD125	05	Nguyễn Thị Minh	Thư	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	52,0		52,0
126	SGD126	05	Hồ Ngọc	Thương	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Trà Bồng	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	45,5		45,5
127	SGD127	05	Nguyễn Văn	Triều	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	X	43,5		43,5
128	SGD128	05	Lê Thanh	Trung	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Trà Bồng	88,0		88,0
129	SGD129	05	Cao Vũ	Trường	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THPT Trà Bồng	Trường THPT Sơn Hà	73,0		73,0
130	SGD130	05	Lê Ngọc	Viên	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	76,5		76,5
131	SGD131	05	Lương Hoàng	Vũ	Cử nhân	Sư phạm Toán học		Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Trà Bồng	52,5		52,5
132	SGD132	06	Võ Thúy	An	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	53,5		53,5
133	SGD133	06	Đặng Thị Kim	Anh	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	82,0		82,0
134	SGD134	06	Nguyễn Tấn	Công	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Tây Trà	54,5		54,5
135	SGD135	06	Nguyễn Tấn	Chiêu	Cử nhân	Giáo dục Thể chất		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Tây Trà	53,5		53,5
136	SGD136	06	Trần Bảo	Chung	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	76,5		76,5
137	SGD137	06	Lê Thị	Duyên	Cử nhân	Giáo dục Thể chất		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	69,5		69,5
138	SGD138	06	Nguyễn Khắc	Đô	Cử nhân	Giáo dục Thể chất		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	19,5		19,5
139	SGD139	06	Phạm Ngọc	Đông	Cử nhân	Giáo dục thể chất	CTB	Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	61,5	5,0	66,5
140	SGD140	06	Đặng Trọng	Đức	Cử nhân	Giáo dục Thể chất		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	60,5		60,5
141	SGD141	06	Trần Hoàng	Hải	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Ba Tơ	62,0		62,0
142	SGD142	06	Nguyễn Tấn	Hoàng	Cử nhân	Giáo dục thể chất	HT NVQS	Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	50,8	2,5	53,3
143	SGD143	06	Đinh Thanh	Hùng	Cử nhân	Giáo dục thể chất	DTTS	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Phạm Kiệt	31,3	5,0	36,3
144	SGD144	06	Phạm Trần	Huy	Cử nhân	Giáo dục Thể chất		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	44,5		44,5
145	SGD145	06	Nguyễn Thị	Hương	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Ba Tơ	30,5		30,5
146	SGD146	06	Huỳnh Anh	Kiệt	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	18,0		18,0
147	SGD147	06	Cao Văn	Khương	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	59,5		59,5
148	SGD148	06	Đỗ Thanh	Minh	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Ba Tơ	60,8		60,8
149	SGD149	06	Huỳnh Hữu	Nghĩa	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	34,0		34,0
150	SGD150	06	Lê Duy	Nhật	Cử nhân	Sư phạm Thể dục		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Tây Trà	51,0		51,0
151	SGD151	06	Nguyễn Anh	Phi	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	26,8		26,8
152	SGD152	07	Phan Phú	Phong	Cử nhân	Giáo dục Thể chất	HT NVQS	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Tây Trà	63,0	2,5	65,5
153	SGD153	07	Nguyễn Đình	Phúc	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	67,0		67,0
154	SGD154	07	Nguyễn Trương Anh	Quý	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Tây Trà	59,5		59,5
155	SGD155	07	Đinh Văn	Sĩ	Cử nhân	Giáo dục thể chất	DTTS	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	51,0	5,0	56,0

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí	sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm tuyển dụng
156	SGD156	07	Lê Thị Minh	Tâm	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Tây Trà	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	80,5		80,5
157	SGD157	07	Trần Đức	Tân	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	75,0		75,0
158	SGD158	07	Trần Nguyễn Nhật	Tân	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Ba Tơ	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	54,5		54,5
159	SGD159	07	Huỳnh Tấn	Tiến	Cử nhân	Giáo dục Thể chất		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Tây Trà	45,0		45,0
160	SGD160	07	Phạm Anh	Tú	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Ba Tơ	55,5		55,5
161	SGD161	07	Lê Phương	Thảo	Cử nhân	Giáo dục Thể chất		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Tây Trà	60,5		60,5
162	SGD162	07	Nguyễn Hồng	Thắng	Cử nhân	Giáo dục thể chất	CTB, HT	Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Vắng	5	Vắng
163	SGD163	07	Đinh Tấn	Thứ	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Tây Trà	70,3		70,3
164	SGD164	07	Nguyễn Khắc	Trang	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Vắng		Vắng
165	SGD165	07	Thới Trần Quỳnh	Trâm	Cử nhân	Giáo dục Thể chất		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Tây Trà	28,8		28,8
166	SGD166	07	Phạm Công	Trình	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	39,5		39,5
167	SGD167	07	Phạm Văn	Tro	Cử nhân	Giáo dục Thể chất	DTTS	Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	57,8	5,0	62,8
168	SGD168	07	Huỳnh Văn	Trung	Cử nhân	Giáo dục Thể chất		Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	52,5		52,5
169	SGD169	07	Võ Quang	Trung	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Tây Trà	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	65,5		65,5
170	SGD170	07	Nguyễn Hồng	Vân	Cử nhân	Giáo dục thể chất		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Tây Trà	50,5		50,5
171	SGD171	07	Lê Cao	Vỹ	Cử nhân	Giáo dục Thể chất		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	30,0		30,0
172	SGD172	08	Phan Thị	Diệu	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Sơn Hà	71,5		71,5
173	SGD173	08	Trần Ngọc Quỳnh	Duyên	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	45,0		45,0
174	SGD174	08	Trần Tôn Thục	Đoan	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Sơn Hà	Trường THPT Phạm Kiệt	78,0		78,0
175	SGD175	08	Huỳnh Thị Bích	Hằng	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Sơn Hà	80,0		80,0
176	SGD176	08	Nguyễn Thị Tuyết	Hằng	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Sơn Hà	67,0		67,0
177	SGD177	08	Nguyễn Thị	Hiền	Cử nhân	Sư phạm Anh		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	61,5		61,5
178	SGD178	08	Võ Thị Thu	Hoanh	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	70,0		70,0
179	SGD179	08	Nguyễn Thị Bích	Huyền	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Quang Trung	44,0		44,0
180	SGD181	08	Đinh Thị Bích	Lệ	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		Trường THPT Sơn Hà	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	64,5		64,5
181	SGD182	08	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	63,5		63,5
182	SGD183	08	Huỳnh Thị Thanh	Loan	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	63,0		63,0
183	SGD184	08	Bùi Thị Kim	Lư	Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	53,0		53,0
184	SGD185	08	Nguyễn Hồ Thiên	Lý	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Sơn Hà	60,0		60,0
185	SGD186	08	Nguyễn Thị Hồng	Minh	Cử nhân	Tiếng Anh		Trường THPT Sơn Hà	Trường THPT Quang Trung	Vắng		Vắng
186	SGD187	08	Nguyễn Nữ Huyền	My	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Phạm Kiệt	X	78,5		78,5
187	SGD188	08	Nguyễn Thị Diễm	My	Cử nhân	Sư phạm Anh		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	68,5		68,5

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí	sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm tuyển dụng
188	SGD189	08	Nguyễn Thị	Nguyệt	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	61,5		61,5
189	SGD190	09	Nguyễn Trang	Oanh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Phạm Kiệt	96,5		96,5
190	SGD191	09	Bùi Thị Kim	Pha	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	64,0		64,0
191	SGD192	09	Phạm Thị	Phượng	Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	82,5		82,5
192	SGD193	09	Nguyễn Thị Diễm	Quyên	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Quang Trung	79,5		79,5
193	SGD194	09	Phạm Thảo	Quyên	Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	53,5		53,5
194	SGD195	09	Nguyễn Thị Kim	Sa	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	78,0		78,0
195	SGD196	09	Lê Văn	Tình	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh	CTB 3/4	Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Sơn Hà	57,0	5,0	62,0
196	SGD197	09	Võ Thị Kim	Tuyền	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Sơn Hà	Trường THPT Quang Trung	Vắng		Vắng
197	SGD198	09	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	Trường THPT Sơn Hà	85,0		85,0
198	SGD199	09	Phạm Thị Bách	Thảo	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	85,5		85,5
199	SGD200	09	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	Cử nhân	Sư phạm tiếng Anh		Trường THPT Sơn Hà	Trường THPT Quang Trung	83,0		83,0
200	SGD201	09	Phạm Anh	Thư	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	53,5		53,5
201	SGD202	09	Lê Thị Ngọc	Thương	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Sơn Hà	82,0		82,0
202	SGD204	09	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	84,5		84,5
203	SGD205	09	Nguyễn Huyền	Trang	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Sơn Hà	76,0		76,0
204	SGD206	09	Đoàn Nguyễn Thùy	Trinh	Cử nhân	Ngôn ngữ Anh		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	41,0		41,0
205	SGD207	09	Võ Thị Tú	Uyên	Cử nhân	Sư phạm Tiếng		Trường THPT Sơn Hà	Trường THPT Phạm Kiệt	71,5		71,5
206	SGD208	10	Nguyễn Thị Nữ	Anh	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	Vắng		Vắng
207	SGD209	10	Nguyễn Thị Như	Bình	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	66,0		66,0
208	SGD211	10	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	58,0		58,0
209	SGD212	10	Đoàn Cao	Điệu	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	64,0		64,0
210	SGD213	10	Phan Thị Cẩm	Giang	Cử nhân	Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	91,0		91,0
211	SGD214	10	Bạch Thị Thanh	Hà	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	Vắng		Vắng
212	SGD215	10	Hồ Thị Kim	Hào	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	61,8		61,8
213	SGD216	10	Phạm Ngọc	Hậu	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	82,3		82,3
214	SGD217	10	Nguyễn Văn	Hòa	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	81,0		81,0
215	SGD219	10	Nguyễn Trần Ái	Kỳ	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	Vắng		Vắng
216	SGD220	10	Nguyễn Hoa Ngân	Khôi	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	62,3		62,3
217	SGD221	10	Nguyễn	Lam	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	Vắng		Vắng
218	SGD222	10	Huỳnh Phạm Thùy	Linh	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	81,0		81,0
219	SGD223	10	Lê Thị	Mến	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	51,0		51,0

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí	sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm tuyển dụng
220	SGD224	10	Nguyễn Thị Kiều	Miên	Cử nhân,	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	90,0		90,0
221	SGD225	10	Nguyễn Chánh	Minh	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	89,5		89,5
222	SGD226	11	Trần Thị Hiền	Minh	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	95,0		95,0
223	SGD227	11	Võ Thị Bích	Nga	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	73,0		73,0
224	SGD228	11	Nguyễn Nhật	Oanh	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	76,0		76,0
225	SGD229	11	Võ Văn	Quốc	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	96,0		96,0
226	SGD230	11	Phạm Thị Ngọc	Quỳnh	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	84,0		84,0
227	SGD231	11	Phạm Thị Mỹ	Tiên	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	X	81,0		81,0
228	SGD232	11	Lê Thị Kim	Tùng	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	97,0		97,0
229	SGD233	11	Nguyễn Thị	Thảo	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	92,0		92,0
230	SGD234	11	Nguyễn Duy	Thiện	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	94,0		94,0
231	SGD235	11	Nguyễn Thị	Thọ	Cử nhân,	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	90,5		90,5
232	SGD236	11	Trần Vũ Thiên	Thủy	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Phạm Kiệt	X	Vắng		Vắng
233	SGD238	11	Đỗ Thị Thanh	Thúy	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	70,0		70,0
234	SGD239	11	Phạm Thị Thùy	Trang	Cử nhân	Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	80,5		80,5
235	SGD240	11	Đoàn Thị Ngọc	Trinh	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	95,0		95,0
236	SGD241	11	Trần Quốc	Vương	Cử nhân	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Phạm Kiệt	X	85,5		85,5
237	SGD242	11	Trần Ngọc	Xin	Cử nhân	Sư phạm Vật lý	CTB	Trường THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Ba Tơ	73,3	5,0	78,3
238	SGD243	11	Phạm Thị Như	Ý	Cử nhân,	Sư phạm Vật lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Phạm Kiệt	85,0		85,0
239	SGD244	12	Bùi	An	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Trường THPT Thu Xà	69,5		69,5
240	SGD245	12	Lê	Biển	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Lý Sơn	X	66,0		66,0
241	SGD246	12	Phan Văn	Chiến	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Thu Xà	Trường THPT Quang Trung	79,5		79,5
242	SGD247	12	Nguyễn Tấn	Danh	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Lý Sơn	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	71,0		71,0
243	SGD248	12	Nguyễn Văn	Đầy	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Lý Sơn	Trường THPT Quang Trung	51,5		51,5
244	SGD249	12	Bùi Văn	Hiếu	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử	CTB	Trường THPT Sơn Hà	Trường THPT Thu Xà	70,5	5,0	75,5
245	SGD250	12	Nguyễn Văn	Hoàng	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử	CN ngành Quân sự	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	X	51,0	5,0	56,0
246	SGD251	12	Trần Thị	Hoàng	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Lý Sơn	X	67,5		67,5
247	SGD252	12	Huỳnh Thị	Hợi	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Thu Xà	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	51,0		51,0
248	SGD253	12	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Thu Xà	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	80,0		80,0
249	SGD254	12	Trịnh Thanh	Huyền	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Ba Gia	Trường THPT Ba Tơ	75,5		75,5
250	SGD255	12	Lê Thị	Hương	Cử nhân	Lịch sử		Trường THPT Thu Xà	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	69,5		69,5
251	SGD256	12	Nguyễn Thị Diệu	Hương	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Thu Xà	Trường THPT Ba Gia	65,0		65,0

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí	sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm tuyển dụng
252	SGD257	12	Nguyễn Thị	Lan	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Lý Sơn	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	60,0		60,0
253	SGD258	12	Đỗ Thị Mỹ	Lệ	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Ba Gia	Trường THPT Quang Trung	Vắng		Vắng
254	SGD259	12	Dương Thị	Liễu	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Lý Sơn	X	65,0		65,0
255	SGD260	12	Phạm Thị	Mỹ	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Thu Xà	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	54,5		54,5
256	SGD261	12	Bì Thị Linh	Nhi	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Trà Bồng	64,0		64,0
257	SGD262	12	Phan Thị Ngân	Quỳnh	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Trà Bồng	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	71,0		71,0
258	SGD263	12	Hạ Thị Thu	Sang	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	74,0		74,0
259	SGD264	12	Ưng Thị	Tiên	Cử nhân,	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	50,0		50,0
260	SGD265	12	Trương Đình	Tý	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	71,0		71,0
261	SGD266	12	Huỳnh Trần Phương	Thảo	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Trường THPT Thu Xà	79,0		79,0
262	SGD267	12	Mai Thị Thu	Thảo	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Trường THPT Thu Xà	75,0		75,0
263	SGD268	12	Tô Hoàng Thị	Thảo	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Thu Xà	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	68,0		68,0
264	SGD269	12	Trần Trung	Thắng	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Ba Gia	60,0		60,0
265	SGD270	12	Bùi Thị Diễm	Trang	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Thu Xà	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	60,0		60,0
266	SGD271	12	Trần Thị Ngọc	Trâm	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Trường THPT Thu Xà	76,0		76,0
267	SGD272	12	Mai Thị Hải	Yến	Cử nhân	Sư phạm Lịch sử		Trường THPT Thu Xà	Trường THPT Sơn Hà	70,5		70,5
268	SGD273	13	Nguyễn Thị Kim	Chi	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	CTB 4/4	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Trường THPT Lương Thế Vinh	76,0	5,0	81,0
269	SGD274	13	Võ Kim	Đồng	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	CTB	Trường THPT Thu Xà	Trường THPT Nguyễn Công	68,0	5,0	73,0
270	SGD275	13	Trần Thị	Hương	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	CTB	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Trường THPT Trà Bồng	69,0	5,0	74,0
271	SGD276	13	Nguyễn Thị	Kiều	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT Nguyễn Công Phương	Trường THPT Minh Long	78,0		78,0
272	SGD277	13	Đinh Thế	Long	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	DTTS	Trường THPT Quang Trung	X	47,0	5,0	52,0
273	SGD278	13	Võ Xuân	Lợi	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT số 2 Nghĩa Hành	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	62,0		62,0
274	SGD279	13	Nguyễn Thị	Minh	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	Vắng		Vắng
275	SGD280	13	Nguyễn Tấn	Nghĩa	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT Thu Xà	Trường THPT Tây Trà	51,0		51,0
276	SGD281	13	Nguyễn Thị Mỹ	Nhạn	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	75,0		75,0
277	SGD282	13	Hồ Thị	Phê	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT Trà Bồng	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	80,0		80,0
278	SGD283	13	Lê Kim	Phụng	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THPT Thu Xà	70,0		70,0
279	SGD284	13	Hồ Văn	Tèo	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	DTTS	Trường THPT Trà Bồng	Trường THPT Tây Trà	75,0	5,0	80,0
280	SGD285	13	Huỳnh Tốt	Ty	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Trường THPT Ba Tơ	59,0		59,0
281	SGD286	13	Hà Văn	Thành	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	HT NVQS	Trường THPT Minh Long	Trường THPT Ba Tơ	62,0	2,5	64,5
282	SGD287	13	Nguyễn Thị	Thi	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT Thu Xà	Trường THCS và THPT Vạn Tường	71,0		71,0
283	SGD288	13	Đinh Thị Mỹ	Thiện	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT Quang Trung	Trường THPT Nguyễn Công	66,0		66,0

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên thí	sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm tuyển dụng
284	SGD289	13	Đinh Thị	Thinh	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	DTTS	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	74,0	5,0	79,0
285	SGD290	13	Nguyễn Minh	Thư	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT Lương Thế Vinh	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	89,0		89,0
286	SGD291	13	Lê Minh	Trí	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT Ba Tơ	Trường THPT Lương Thế Vinh	71,0		71,0
287	SGD292	13	Võ Thị	Trí	Cử nhân	Sư phạm Địa lý	CTB	Trường THPT Lương Thế Vinh	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	Vắng	5	Vắng
288	SGD293	13	Lê Thị Phương	Uyên	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT Thu Xà	Trường THPT Nguyễn Công	55,0		55,0
289	SGD294	13	Nguyễn Thị	Viên	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THPT Nguyễn Công	56,0		56,0
290	SGD295	13	Trần Văn	Xuân	Cử nhân	Sư phạm Địa lý		Trường THPT Nguyễn Công Phương	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	71,0		71,0
291	SGD296	14	Lê Thị Ngọc	Hằng	Cử nhân	Giáo dục Chính trị		Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Trường THPT Sơn Mỹ	68,0		68,0
292	SGD297	14	Phan Linh	Linh	Cử nhân	Giáo dục Công dân		Trường THPT Quang Trung	Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	60,5		60,5
293	SGD298	14	Võ Thị Tuyết	Nhung	Cử nhân	Giáo dục Chính trị		Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Trường THPT Sơn Mỹ	67,0		67,0
294	SGD299	14	Phạm Thị Mai	Phượng	Cử nhân	Giáo dục Chính trị	DTTS	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Quang Trung	57,0	5,0	62,0
295	SGD300	14	Dương Thị	Tú	Cử nhân	Giáo dục chính trị	CTB	Trường THPT Sơn Mỹ	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	53,0	5,0	58,0
296	SGD301	14	Nguyễn Thị	Thạnh	Cử nhân	Giáo dục chính trị		Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Trường THPT Quang Trung	77,0		77,0
297	SGD302	14	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Cử nhân	Giáo dục Chính trị		Trường THPT Trà Bồng	Trường THPT Quang Trung	85,0		85,0
298	SGD303	14	Nguyễn Thị	Vương	Cử nhân	Giáo dục chính trị		Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Trường THPT Sơn Mỹ	79,0		79,0
299	SGD304	14	Trần Ngọc Quang	Dương	Cử nhân	Sư phạm Mỹ thuật		Trường THPT Sơn Mỹ	Trường THCS và THPT Vạn Tường	61,0		61,0
300	SGD305	14	Võ Thiên	Hương	Cử nhân	Thiết kế nội thất		Trường THPT Sơn Mỹ	Trường THCS và THPT Vạn Tường	76,5		76,5
301	SGD306	14	Nguyễn Thị	Lê	Cử nhân	Sư phạm Mỹ thuật		Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Trường THPT Sơn Mỹ	55,5		55,5
302	SGD307	14	Ngô Thị	Lý	Cử nhân	Mỹ thuật Công		Trường THPT Võ Nguyên Giáp	Trường THPT Sơn Mỹ	79,5		79,5
303	SGD308	14	Trần Thị	Nguyệt	Cử nhân	Thiết kế nội thất		Trường THCS và THPT Vạn Tường	Trường THPT Bình Sơn	75,0		75,0
304	SGD309	14	Lê Hữu	Chính	Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc		Trường THPT Minh Long	Trường THPT số 2 Đức Phổ	66,3		66,3
305	SGD310	14	Đinh Ru	Va	Cử nhân	Sư phạm Âm nhạc	DTTS	Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	Trường THPT Minh Long	57,0	5,0	62,0
306	SGD311	14	Võ Thị Thanh	Hương	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN tỉnh	X	70,0		70,0
307	SGD312	14	Nguyễn Thị Hồng	Ngoa	Cử nhân	Giáo dục Tiểu học		Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN tỉnh	X	80,0		80,0
308	SGD313	14	Võ Thị Thúy	Nga	Cử nhân	Sư phạm Sinh học		Trường THPT Phạm Văn Đồng	X	85,5		85,5
309	SGD314	14	Lý Phạm Như	Vân	Cử nhân	Sư phạm Sinh học		Trường THPT Phạm Văn Đồng	X	56,0		56,0
310	SGD315	14	Trần Thị	Hồng	Cử nhân	Sư phạm Sinh-KTNN		Trường THPT Ba Tơ	X	64,0		64,0
311	SGD316	14	Nguyễn Ngọc	Thạch	Cử nhân	Sư phạm Tin học		Trường THPT Phạm Kiệt	X	56,0		56,0

Danh sách này có 311 thí sinh./.

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú

Ghi chú